

TRI THỨC BẢN ĐỊA SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI XÃ ĐỨC THÔNG, HUYỆN THẠCH AN, TỈNH CAO BẰNG

Đàm Văn Vinh¹, Nguyễn Thị Thu Hiền¹, Trịnh Đình Khả², Nguyễn Hải Hòa³, Đặng Kim Tuyền¹

¹Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

²Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên

³Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá kinh nghiệm sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc được cộng đồng dân tộc thiểu số tại xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Các phương pháp sử dụng gồm có: điều tra cộng đồng, thu thập mẫu vật, định danh tên loài, đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác định được 112 loài cây thuốc thuộc 105 chi, 72 họ được cộng đồng các dân tộc thiểu số ở khu vực nghiên cứu sử dụng trong chữa trị bệnh. Nghiên cứu đã xác định được 14 nhóm bệnh được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng các dân tộc tại xã Đức Thông, trong đó các nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là: bệnh về tiêu hóa, chữa lành vết thương, bệnh về xương khớp, thuốc bổ, bệnh về gan, bệnh về thận, bệnh ngoài da, bệnh thời tiết. Đã xác định được 8 loài cây cỏ cùng được cả 3 dân tộc Tày, Nùng và Dao ở xã Đức Thông sử dụng trong chữa trị bệnh, bao gồm: Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch, Huyết đằng - *Sargentodoxa cuneata* (Oliv.) Rehd & Wils, Bình vôi - *Stephania rotunda* Lour., Lạc tiên - *Passiflora foetida* L., Cẩu tích - *Cibotium barometz* (L.) J. Sm., “Sa nhân” - *Hornstedtia sanhan* M. Newman, Giảo cổ lam - *Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino, Hoàng tinh trắng - *Disporopsis longifolia* Craib.

Từ khóa: Cây thuốc, huyện Thạch An, tri thức bản địa, xã Đức Thông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bằng những kinh nghiệm dân gian của những người làm thuốc trong mỗi cộng đồng dân tộc thiểu số, những tri thức về cây thuốc được truyền miệng và lưu truyền cho con cháu đời sau, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trải qua thời gian, các bài thuốc có tính độc đáo và trở nên thông dụng trong việc chăm sóc sức khỏe người dân của cộng đồng. Vì vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu và bảo tồn cây thuốc cũng như bảo tồn tri thức y học dân gian đã, đang được tiến hành và mang lại nhiều giá trị khoa học cũng như thực tiễn.

Đức Thông là một xã có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống như: Tày, Nùng, Dao, H'Mông, Sán Chay... Từ rất lâu đời, đồng bào các dân tộc thiểu số ở huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã có truyền thống chữa bệnh từ nguồn tài nguyên cây thuốc, mỗi dân tộc nơi đây lại mang bản sắc và kinh nghiệm chữa bệnh bằng thực vật làm thuốc rất đa dạng. Trong đó, cộng đồng dân tộc Tày, Nùng, Dao ở xã Đức Thông, huyện Thạch An cũng có nhiều kinh nghiệm độc đáo và phong phú về việc chữa bệnh bằng cây thuốc. Tuy nhiên,

hiện nay diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, tình trạng khai thác và mua bán các sản phẩm từ rừng diễn ra một cách phức tạp, điều này dẫn đến nguồn tài nguyên cây thuốc ngày càng bị suy giảm. Mặt khác những bài thuốc được cộng đồng các dân tộc ở đây sử dụng từ lâu đời trong việc phòng và chữa trị một số nhóm bệnh nhưng hoạt tính sinh học và cơ sở khoa học của các bài thuốc chưa được nghiên cứu, chứng minh bằng con đường khoa học. Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Tri thức bản địa sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số tại xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng”. Nghiên cứu này cung cấp những cơ sở khoa học để góp phần phát hiện, gây trồng, bảo tồn nguồn gen cây thuốc quý ở xã Đức Thông và duy trì, bảo tồn tri thức bản địa sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số ở khu vực nghiên cứu nói riêng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Kế thừa những tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở khu vực nghiên cứu và các tài liệu nghiên cứu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp:

Phương pháp điều tra cộng đồng: tại khu vực nghiên cứu, phỏng vấn các ông lang, bà mẹ, người dân có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc và sử dụng các bài thuốc gia truyền của cộng đồng dân tộc tại địa bàn nghiên cứu. Mẫu phiếu điều tra dựa theo phiếu điều tra cây thuốc trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian của Viện Dược liệu (Viện Dược liệu, 1993). Tiến hành thu thập đầy đủ các thông tin cây thuốc gồm: tên phổ thông, tên dân tộc; số hiệu mẫu; dạng sống; môi trường sống; bộ phận sử dụng làm thuốc (thân, rễ, hoa, quả, hạt...); công dụng của nguồn tài nguyên cây thuốc.

Phương pháp thu thập mẫu vật: mẫu vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn năm 1997 (Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997).

Phương pháp định danh tên loài: định danh loài cây theo 2 bước chính như sau: (i) định danh tại thực địa; (ii) sử dụng kiến thức kinh nghiệm của các chuyên gia và nguồn tài liệu tin cậy đã công bố giám định lại, gồm: các khóa định loại, các bản mô tả trong tài liệu Cây

cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999), Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2005), Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên) 2003, 2005).

Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc: dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn trong các phương pháp nghiên cứu thực vật (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng các bậc taxon nguồn tài nguyên cây thuốc được sử dụng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở xã Đức Thông, huyện Thạch An, Cao Bằng

Nghiên cứu cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Tày, Nùng, Dao tại xã Đức Thông, huyện Thạch An đã xác định được sự phong phú về thành phần loài cây thuốc, cụ thể có 112 loài thực vật bậc cao có mạch được sử dụng làm thuốc thuộc 105 chi và 72 họ. Kết quả được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1. Phân bố các ngành thực vật làm thuốc ở xã Đức Thông, huyện Thạch An

Stt	Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	68	94,44	101	96,19	108	96,43
-	Lớp Hành (Liliopsida)	12	16,67	19	18,10	19	16,96
-	Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	56	77,78	82	78,10	89	79,46
2	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	3	4,17	3	2,86	3	2,68
3	Ngành dây gắm (Gnetophyta)	1	1,39	1	0,95	1	0,89
Tổng 1 + 2 + 3:		72		105		112	

Chú thích: Loài cây được dân tộc Nùng, Tày và Dao sử dụng làm thuốc lần lượt là 31, 80 và 36 loài

Dữ liệu trên cho thấy, các loài cây thuốc chủ yếu thuộc nhóm thực vật bậc cao có mạch thuộc các ngành: Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Dây gắm (Gnetophyta), trong đó ngành Dương xỉ đã thu

được 3 loài (chiếm 2,68% trên tổng số loài đã điều tra được), thuộc 3 chi (chiếm 2,86% tổng số chi đã điều tra được và 3 họ (chiếm 4,17% tổng số họ). Ngành Dây gắm đã thu được 1 loài có công dụng làm thuốc được dân tộc Tày sử dụng đó là loài *Gnetum montanum* Markgr

(Dây gắm) chiếm 0,98% so với tổng số loài.

Đặc biệt ngành Ngọc lan đã phát hiện được 108 loài (chiếm 96,43% tổng số loài, thuộc 101 chi (chiếm 96,19% tổng số chi) và 68 họ (chiếm 94,44% tổng số họ). Như vậy, có thể khẳng định được rằng hệ thực vật ở khu vực nghiên cứu bao gồm chủ yếu là các loài đại diện nằm trong ngành Ngọc lan. Chúng là những loài cây mọc phổ biến ở quanh thôn xóm, ở đồi, ven sông ven suối và rừng. Vì vậy mà đây chính là những loài cây mà người dân

thường gặp, nên đã lựa chọn làm thuốc nhiều hơn những loại thực vật khác.

Có thể nói các loài trong ngành Ngọc lan chiếm vai trò đặc biệt quan trọng trong các loài được sử dụng làm thuốc và để phân tích sâu hơn về thành phần các bậc Taxon trong hai lớp của ngành Ngọc lan là: Lớp Hành (Liliopsida) và Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida), kết quả được thể hiện qua số lượng và tỷ lệ phần trăm cụ thể tại bảng 2.

Bảng 2. Số lượng họ, chi, loài thuộc 2 lớp trong ngành Ngọc lan

Magnoliophyta (Ngành Ngọc lan)	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Liliopsida (lớp Hành)	12	17,65	19	18,81	19	17,59
Magnoliopsida (lớp Ngọc lan)	56	82,35	82	81,19	89	82,41
Tổng	68	100	101	100	108	100

Kết quả cho thấy, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số họ, chi và loài được dùng làm thuốc chiếm ưu thế hơn hẳn so với lớp Hành (Liliopsida), cụ thể:

Lớp Ngọc lan có 89 loài, chiếm tỷ lệ 82,41%; 82 chi, chiếm 81,19% và 56 họ chiếm 82,35% so với tổng số loài, chi, họ trong ngành. Trong số này có thể kể đến một số loài có giá trị như: *Gelsemium elagans* (Gardn. & Champ.) Benth (Lá ngón) có tác dụng điều trị ung thư, *Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & thoms (Đảng sâm) có tác dụng bổ cho phụ nữ sau khi sinh, *Flueggea virosa* (Roxb. ex Willd.) Voigt (Nổ gai) có tác dụng điều trị bệnh tiểu đường, thận...

Lớp Hành (Liliopsida) chỉ có 19 loài, chiếm 17,59%; 19 chi, chiếm tỷ lệ 18,81% và 12 họ, chiếm tỷ lệ 17,56% so với tổng số loài, chi, họ tương ứng trong ngành, Tuy chiếm một tỷ lệ không lớn nhưng trong lớp này cũng có những loài cây thuốc có giá trị được 3 cộng đồng dân tộc Nùng, Tày và Dao sử dụng làm thuốc như: *Kaempferia galanga* L (Địa liền) được cộng đồng người Tày dùng để chữa các vết thương, *Tacca chantrieri* Andre (Râu hùm), được cộng đồng người Dao sử dụng để chữa vàng da và thận, *Anoectochilus setaceus* Blume (Lan kim tuyến)

được cộng đồng người Nùng sử dụng để chữa bệnh tim và ung thư...

Như vậy, chúng ta có thể thấy được rằng các loài trong ngành Ngọc lan đặc biệt là các loài trong lớp Hành và lớp Ngọc lan có một vị trí vai trò quan trọng trong các loài thực vật dùng làm thuốc mà được cả 3 cộng đồng dân tộc Nùng, Tày và Dao sử dụng để làm thuốc chữa bệnh.

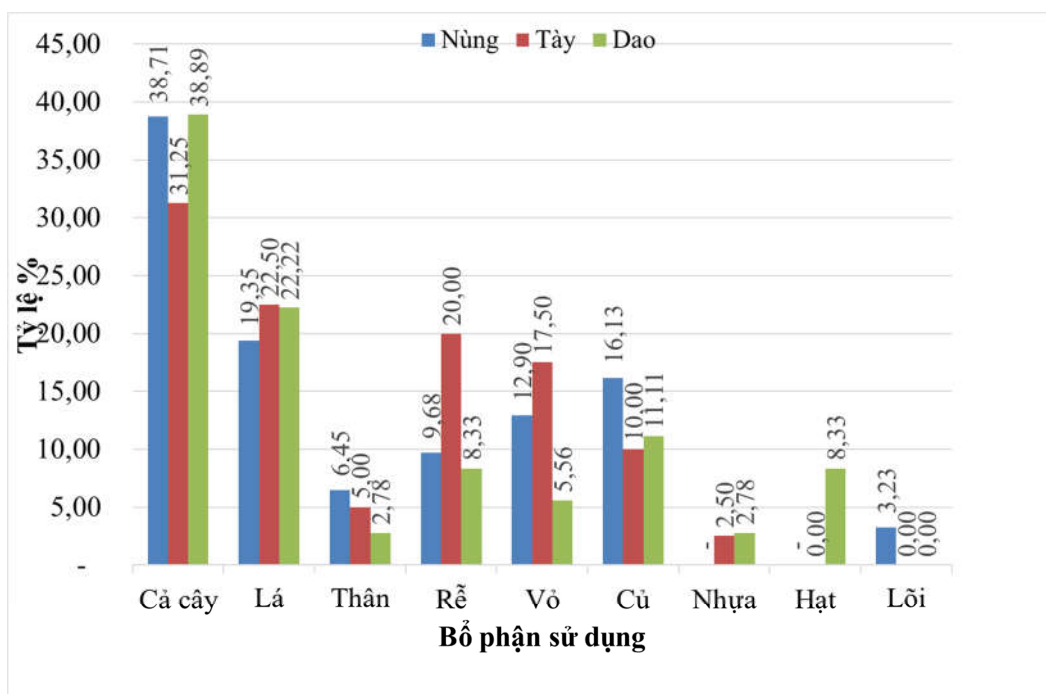
3.2. Kinh nghiệm sử dụng bộ phận làm thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số ở xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Nghiên cứu về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc không chỉ cho thấy tính chất phong phú và đa dạng trong khả năng chữa bệnh của các bộ phận đó, mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với công tác bảo tồn, đồng thời, việc nghiên cứu các bộ phận sử dụng làm thuốc của cây phần nào đánh giá được tính bền vững trong thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên cây thuốc trong cộng đồng các dân tộc thiểu số. Kết quả thống kê về các bộ phận được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của dân tộc Nùng, Tày và Dao ở xã Đức Thông, Thạch An được ghi tại bảng 3 và hình 1.

Bảng 3. Bộ phận sử dụng của cây thuốc theo kinh nghiệm sử dụng trong cộng đồng dân tộc ở xã Đức Thông

Bộ phận sử dụng (bpsd)	Dân tộc					
	Nùng		Tày		Dao	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Cả cây	12	38,71	25	31,25	14	38,89
Lá	6	19,35	18	22,50	8	22,22
Thân	2	6,45	4	5,00	1	2,78
Rễ	3	9,68	16	20,00	3	8,33
Vỏ	4	12,90	14	17,50	2	5,56
Củ	5	16,13	8	10,00	4	11,11
Nhựa	0	0,00	2	2,50	1	2,78
Hạt	0	0,00	0	0,00	3	8,33
Lõi	1	3,23	0	0,00	0	0,00

Chú thích: Tỷ lệ % trong bảng lớn hơn 100% do một số loài có thể sử dụng nhiều bộ phận khác nhau làm thuốc.



Hình 1. Tỷ lệ các bộ phận sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Nùng, Tày và Dao ở xã Đức Thông

Dữ liệu cho thấy, tần số sử dụng các bộ phận của cây để làm thuốc chữa bệnh của cộng đồng dân tộc Tày, Nùng và Dao rất đa dạng với 9 bộ phận gồm cả cây, lá, thân, rễ, vỏ, củ, nhựa, hạt và lõi. Trong đó 5 bộ phận sử dụng được dùng nhiều nhất là bộ phận cả cây, lá, rễ, củ và vỏ. Cụ thể:

- Đối với sử dụng bộ phận cả cây: cộng đồng dân tộc Tày biết sử dụng 25/80 loài để làm thuốc chữa trị bệnh (chiếm 31,25% so với tổng số loài cây thuốc được người Tày phát hiện), cộng đồng dân tộc Nùng và Dao lần lượt

biết sử dụng 12/31 và 14/36 loài để làm thuốc (chiếm 38,71% và 38,89% so với tổng số loài cây thuốc được người Nùng và Dao phát hiện). Một số loài có thể kể đến như: *Asplenium nidus* (Tổ quạ) thuộc ngành Dương xỉ, được cộng đồng dân tộc Tày sử dụng để điều trị bệnh phù; loài *Gnetum montanum* (Gây gắm) thuộc ngành Dây gắm (Gnetophyta) được cộng đồng dân tộc Tày sử dụng để làm thuốc chữa bệnh khớp; loài *Lygodium flexuosum* (Bòn bong) được cộng đồng dân tộc Nùng và Dao sử dụng để điều trị xương sưng, mẩn ngứa và thận...

- Đối với sử dụng bộ phận lá: cộng đồng dân tộc Tày biết sử dụng 18/80 loài để làm thuốc (chiếm 31,25% so với tổng số loài cây thuốc được người Tày phát hiện), cộng đồng dân tộc Dao và Nùng lần lượt biết sử dụng 8/36 và 6/31 loài để làm thuốc (chiếm 22,22% và 19,35% so với tổng số loài cây thuốc được người Dao và Nùng phát hiện). Trong số này có thể kể đến một số loài như: *Psidium guajava* (ổi) được cộng đồng dân tộc Tày sử dụng để điều trị bệnh tiêu chảy; loài *Polygonum odoratum* (Rau răm) được cộng đồng dân tộc Dao sử dụng để điều trị cảm cúm và rắn cắn...

- Đối với sử dụng các bộ phận rễ, vỏ và củ thì cộng đồng dân tộc Tày vẫn là dân tộc biết sử dụng các bộ phận này nhiều nhất với số lượng lần lượt là 16/80, 14/80, 8/80 loài (chiếm các giá trị tương ứng là 20%, 17,5% và 10% so với tổng số loài); trong khi đó cộng đồng dân tộc Nùng và Dao chỉ biết sử dụng một số ít loài để làm thuốc, dao động từ 2 đến 5 loài và chiếm từ 5,56% đến 16,13% so với

tổng số loài phát hiện được. Một số loài có thể kể đến như: *Laportea violacea* (Han tía) được cộng đồng dân tộc Dao sử dụng để chữa thân kinh tọa; *Ficus bengalensis* (Đa) được cộng đồng dân tộc Nùng dùng để chữa bệnh về gan...

Nhìn chung kết quả nghiên cứu đã chứng minh được rằng: các bộ phận của cây được sử dụng làm thuốc của cả 3 cộng đồng Nùng, Tày và Dao ở khu vực nghiên cứu rất đa dạng và phong phú, đặc biệt đối với kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Tày.

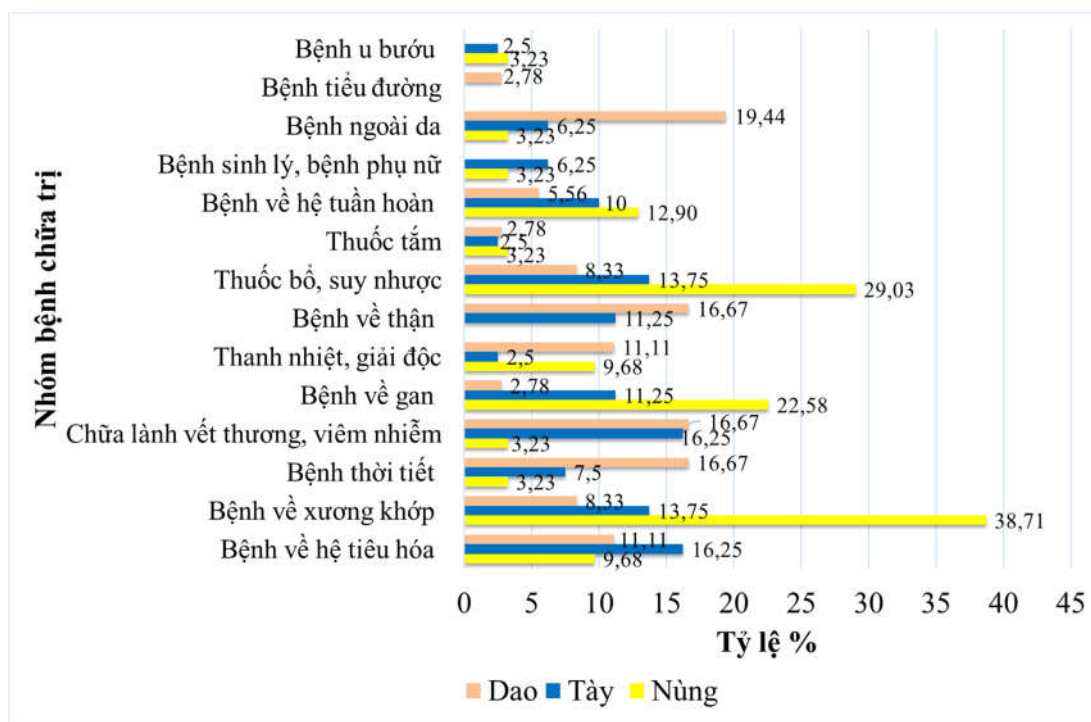
3.3. Kinh nghiệm về nhóm bệnh chữa trị của cộng đồng dân tộc thiểu số ở xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Kết quả nghiên cứu việc sử dụng cây thuốc để chữa bệnh của cộng đồng dân tộc Nùng, Tày và Dao tại khu vực nghiên cứu mang những nét độc đáo và mang tính gia truyền. Đã thống kê có 13 nhóm bệnh từ tri thức của cộng đồng dân tộc Nùng, Tày và Dao tại bảng 4 và hình 2.

Bảng 4. Tỷ lệ số loài có công dụng chữa các nhóm bệnh cụ thể

Stt	Nhóm bệnh chữa trị	Nùng		Tày		Dao	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bệnh về hệ tiêu hóa (đau bụng, dạ dày, trĩ...)	3	9,68	13	16,25	4	11,11
2	Bệnh về xương khớp (phong thấp, đau lưng, đau xương, thấp khớp...)	12	38,71	11	13,75	3	8,33
3	Bệnh thời tiết (ho, sốt, cảm, đau đầu...)	1	3,23	6	7,5	6	16,67
4	Chữa lành vết thương, viêm nhiễm, giảm đau, bồng...	1	3,23	13	16,25	6	16,67
5	Bệnh về gan (sơ gan, giải độc gan, viêm gan...)	7	22,58	9	11,25	1	2,78
6	Thanh nhiệt, giải độc...	3	9,68	2	2,5	4	11,11
7	Bệnh về thận (sỏi thận, suy thận, lợi tiểu...)	0	0,00	9	11,25	6	16,67
8	Thuốc bổ, suy nhược...	9	29,03	11	13,75	3	8,33
9	Thuốc tắm	1	3,23	2	2,5	1	2,78
10	Bệnh về hệ tuần hoàn (mỡ máu, huyết áp, tim...)	4	12,90	8	10	2	5,56
11	Bệnh sinh lý, bệnh phụ nữ, vô sinh, hậu sản...	1	3,23	5	6,25	0	0,00
12	Bệnh ngoài da	1	3,23	5	6,25	7	19,44
13	Bệnh tiểu đường	0	0,00	0	0,00	1	2,78
14	Bệnh u bướu (ung thư, u hạch...)	1	3,23	2	2,5	0	0,00

Chú thích: Tỷ lệ % trong bảng hơn 100% do một số loài có thể có công dụng chữa trị nhiều loại bệnh khác nhau.



Hình 2. Tỷ lệ nhóm bệnh chữa trị từ nguồn cây thuốc theo kinh nghiệm sử dụng trong cộng đồng dân tộc Nùng, Tày và Dao ở xã Đức Thông

Những dẫn liệu trên ta thấy, cộng đồng dân tộc thiểu số ở xã Đức Thông đã và đang có thể sử dụng cây thuốc để chữa trị 14 nhóm bệnh khác nhau, trong đó có những căn bệnh nan y như ung thư, u hạch, gan, thận, tim... Cụ thể:

- Với cộng đồng dân tộc Tày: Số lượng cây thuốc được sử dụng để chữa trị bệnh cho người dân tập trung phần lớn vào 6 nhóm bệnh là bệnh về tiêu hóa và chữa lành vết thương đều với 13/80 loài (chiếm 16,25%); bệnh về xương khớp và thuốc bổ đều với 13/80 loài (chiếm 13,75%); bệnh về gan và bệnh về thận đều với 11/80 loài (chiếm 11,25%).

- Tương tự với cộng đồng dân tộc Dao: Số lượng cây thuốc được sử dụng để chữa trị tập trung lớn vào 4 nhóm bệnh là bệnh ngoài da với 7/36 loài (chiếm 19,44%); bệnh thời tiết, bệnh về thận và chữa lành vết thương đều với 6/36 loài (chiếm 16,67%).

- Với cộng đồng dân tộc Nùng: Số lượng cây thuốc sử dụng để chữa trị tập trung 3 nhóm bệnh là bệnh về xương khớp với 12/31 loài (chiếm 38,71%); thuốc bổ với 9/31 loài (chiếm 29,03%); bệnh về gan với 7/31 loài (chiếm 22,58%).

Nhìn chung, kinh nghiệm sử dụng cây thuốc chữa trị bệnh từ nguồn cây thuốc của cộng

đồng dân tộc Tày, Nùng, Dao tại xã Đức Thông, huyện Thạch An rất đa dạng. Ngoài ra kết quả của công trình còn cung cấp các cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo về bảo tồn và phát triển bền vững các loài cây thuốc, các bài thuốc dân gian của cộng đồng dân tộc Tày, Nùng, Dao ở khu vực nghiên cứu nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

3.4. Ảnh hưởng của sự giao thoa giữa các dân tộc đến vốn tri thức bản địa trong việc sử dụng cây thuốc ở xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Trải qua quá trình sinh sống lâu dài, cùng với lịch sử chinh phục thiên nhiên và phòng chống bệnh tật, mỗi cộng đồng dân tộc đều thể hiện được những sự sáng tạo riêng biệt của mình. Mỗi dân tộc đã tìm ra những phương thức ứng xử khác nhau để vượt qua sự khắc nghiệt của thiên nhiên, trong đó không thể không kể đến việc sử dụng nguồn tài nguyên cây cỏ có sẵn trong tự nhiên để chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Việc khai thác nguồn tài nguyên cây thuốc để đáp ứng như cầu chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đã là một tập quán lâu đời của cộng đồng dân tộc Tày, Nùng và Dao tại xã Đức Thông. Cùng với đó, kinh nghiệm sử dụng cây thuốc để chữa bệnh cũng

được tích lũy từ thể hệ này sang thể hệ khác. Trong quá trình điều tra thu thập thông tin, nhận thấy cả 3 dân tộc Tày, Nùng và Dao ở xã

Đức Thông đều cùng sử dụng một số cây thuốc chữa bệnh (Bảng 5).

Bảng 5. Danh sách cây thuốc được cả 3 dân tộc thiểu số ở xã Đức Thông sử dụng

Stt	Tên khoa học - Tên phủ thông	Tên dân tộc	Công dụng
1	Bảy lá một hoa - <i>Paris chinensis</i> Franch	1. Cắn Lương 2. Cắn lương 3. Cắn lương	1. Gãy xương 2. Chấn thương, rấn cắn, nội thương 3. Chấn thương, gãy xương
2	Huyết đằng - <i>Sargentodoxa cuneata</i> (Oliv.) Rehd & Wils	1. Khâu chèo 2. Khâu Chèo 3. Khâu chèo	1. Gan, thấp khớp, tiêu chảy, bổ máu 2. Bổ máu, hệ thần kinh. 3. Bổ máu
3	Bình vôi - <i>Stephania rotunda</i> Lour.	1. Hán phùng 2. Hán phùng 3. Hán phùng	1. Nhiễm trùng phụ khoa, thần kinh 2. Gan, thận 3. Hác lào
4	Lạc tiên - <i>Passiflora foetida</i> L.	1. Cô nàng tiên 2. Cô nàng tiên 3. Cô nàng tiên	1. Huyết áp cao, an thần 2. An thần 3. An thần, mất ngủ
5	Củ tích - <i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Sm.	1. Củ cút báng 2,3. Củ báng	1. Thấp khớp, bổ máu 2. Gan, khớp 3. Rét cắn,thận
6	Sa nhân - <i>Hornstedtia sanhan</i> M. Newman	1. Nó nẻnh 2,3. Mác nẻnh	1. Rấn cắn, tẩm phụ nữ sau sinh 2. Vết thương, lở ngứa 3. Cảm cúm, sung phổi, rấn cắn
7	Giảo cổ lam - <i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	1. Đin on 2. Booc đạ 3. Đền toong	1. Gân, thần kinh tỏa 2. Mát gan, thận 3. Chảy máu cam, hạ huyết áp, thận, giải nhiệt
8	Hoàng tinh trắng - <i>Disporopsis longifolia</i> Craib	1,2,3. Khinh lái	1,2. Bổ máu, gãy xương, khớp 3. Rấn cắn

Chú thích: Tên dân tộc: 1. Nùng; 2. Tày; 3. Dao

Qua bảng 5 cho thấy, cả 3 dân tộc đều sử dụng chung 8 loài thuộc 8 họ thực vật khác nhau, phần lớn những loài cây thuốc này mọc phổ biến ở trong tự nhiên; sống ở trong rừng, các ven sông ven suối hoặc là trong ở vườn nhà. Trong đó có những loài được cả 3 dân tộc cùng sử dụng để chữa một nhóm bệnh như: Huyết đằng (*Sargentodoxa cuneata* (Oliv.) Rehd, & Wils) theo kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc Nùng, Tày và Dao ở xã Đức Thông thì loài cây này có tác dụng bổ máu; ngoài ra theo người Nùng thì Huyết đằng còn có tác dụng chữa gan, khớp và tiêu chảy, Lạc tiên (*Passiflora foetida* L.) được cả 3 dân tộc cùng sử dụng để làm thuốc an thần; đây là một trong những loài cây thuốc dạng sống dây leo và thường mọc ở các bìa rừng và trên đồi;

ngoài ra cộng đồng dân tộc Nùng còn sử dụng Lạc tiên để chữa huyết áp cao. Ngoài ra, có những loài cây thuốc được cả 3 dân tộc sử dụng chữa bệnh, nhưng mỗi dân tộc lại sử dụng để chữa trị các nhóm bệnh khác nhau như: Giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino) được người Nùng sử dụng để chữa gân và thần kinh tỏa; người Tày sử dụng để làm mát gan và thận; Người Dao sử dụng để chữa chảy máu cam, hạ huyết áp, chữa thận và giải nhiệt... Điều đó chứng tỏ, nguồn tri thức sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc ở xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng rất phong phú. Tuy nhiên, những tri thức này chỉ được truyền trong phạm vi từng cộng đồng, cùng với đặc trưng truyền miệng từ đời này sang đời khác do vậy có nguy cơ mai

một cao, cần có những biện pháp thu thập nguồn tri thức quý giá này để phổ biến cho cộng đồng, phục vụ công tác chữa bệnh.

Mặc dù, ngôn ngữ của các dân tộc thuộc nhiều nhóm khác nhau: Dân tộc Nùng, Tày thuộc nhóm Tày – Thái; dân tộc Dao thuộc nhóm Mông – Dao. Tuy nhiên do các dân tộc sống xen kẽ nhau trong một cộng đồng nên có sự ảnh hưởng giao thoa nhất định về mặt ngôn ngữ cũng như tri thức bản địa trong việc sử dụng cây cỏ để chữa bệnh. Do vậy đa số các loài cây đều cùng có chung một tên gọi.

Như vậy, qua đây chúng ta có thể thấy rằng trong cùng một loại cây dùng làm thuốc, các cộng đồng dân tộc khác nhau lại có những kinh nghiệm sử dụng cây thuốc rất khác nhau và đa

dạng về công dụng.

Ngoài việc giao thoa trong cách gọi tên của các cây thuốc giữa các dân tộc còn có sự giao thoa trong cách sử dụng cây cỏ để chữa bệnh. Trong quá trình điều tra nghiên cứu, nhận thấy có nhiều loài cây được cả 3 cộng đồng dân tộc Tày, Nùng và Dao sử dụng để chữa một nhóm bệnh. Đặc biệt, hiện nay nhóm bệnh về xương khớp đang là một trong những nhóm bệnh mà tỉ lệ người mắc phải rất cao, thường gặp ở những người già hoặc trung niên, thậm chí là những người làm việc trong văn phòng. Mặc dù, bệnh về xương khớp tỷ lệ tử vong không cao, nhưng lại gây ra những ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh (Bảng 6).

Bảng 6. Danh sách cây thuốc các dân tộc cùng sử dụng chữa nhóm bệnh về xương khớp

Stt	Tên khoa học - Tên phổ thông	Tên dân tộc	Công dụng
1	Bảy lá một hoa - <i>Paris chinensis</i> Franch	1,2,3. Cẩn lượng	1. Gãy xương 2. Chấn thương, rấn cấn, gãy xương, nội thương 3. Chấn thương, gãy xương
2	Khôi tía - <i>Ardisia silvestris</i> Pitard	1,2. Coóc phà đeng	1,2. Phù, khớp
3	Cây sung - <i>Ficus var. miquelii</i> (King) Corn	1,2. Mác đũa	1. Đau lưng 2. Quay bị, treo cột sống
4	Cầu tích - <i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Sm.	1. Cô cút báng 2,3. Cút báng	1. Thấp khớp, bổ máu 2. Gan, khớp 3. Rét cấn, thận
5	Hoàng tinh trắng - <i>Disporopsis longifolia</i> Craib	1,2,3. Khinh lái	1,2. Bổ máu, gãy xương, khớp 3. Rấn cấn

Chú thích: Tên dân tộc: 1. Nùng; 2. Tày; 3. Dao

Qua bảng 6 thống kê các loài cây thuốc được các dân tộc cùng sử dụng để chữa trị nhóm bệnh về xương khớp cho thấy, số lượng các loài cây thuốc có 5 loài như: Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch; Khôi tía - *Ardisia silvestris* Pitard; Cây sung - *Ficus var. miquelii* (King) Corn; Cầu tích - *Cibotium barometz* (L.) J. Sm. và Hoàng tinh trắng - *Disporopsis longifolia* Craib. Có thể do đời sống của các cộng đồng dân tộc ở xã Đức Thông gắn liền với núi rừng nhiều nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là người dân phải thường xuyên vào rừng khai thác tài nguyên (gỗ, lâm sản ngoài gỗ), do vậy thường xuyên gặp các bệnh liên quan đến xương khớp.

Xuất phát từ thực tế cuộc sống mà cộng đồng các dân tộc nơi đây tích lũy và học hỏi được nhiều kinh nghiệm để chữa trị nhóm bệnh về xương khớp.

Trong số 5 loài cây thuốc chữa bệnh liên quan đến xương khớp có 2 loài được cả 3 dân tộc sử dụng là: Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch; Cầu tích - *Cibotium barometz* (L.) J. Sm.. Hầu như các loài cây ở Bảng 06 đều thuộc các loài quý hiếm hiện đang được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam 2007 và Nghị định 06/2019/NĐ – CP, bởi vậy bên cạnh việc sử dụng loài cây chữa trị bệnh thì người dân cũng cần phải gây trồng và có ý thức trách nhiệm bảo tồn các loài cây dược liệu quý hiếm này.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra ở khu vực nghiên cứu, việc dùng chung cây cỏ để làm thuốc chữa các bệnh liên quan đến gan,

thận, dạ dày cũng được cộng đồng các dân tộc quan tâm đến, cụ thể kết quả được thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7. Danh sách cây thuốc các dân tộc dùng chữa nhóm bệnh về gan, thận, dạ dày

Stt	Tên khoa học - Tên phổ thông	Tên dân tộc	Công dụng
A Chữa bệnh gan			
1	Bàn tay ma - <i>Heliciopsis lobata</i> (Merr.) Sleum	2,3. Mừ phi	2,3. Gan, tắm phụ nữ sau khi sinh
2	Ngọc cầu - <i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl. In f. Forbes & hemsl	1. Pi đeng đông 2. Mản pi	1,2. Bỏ gan
B Chữa bệnh thận			
3	Giảo cổ lam - <i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	1. Đin on 2. Booc đạ 3. Đền toong	1. Gân, thần kinh tọa 2. Mát gan, thận 3. Chảy máu cam, hạ huyết áp, thận, giải nhiệt
C Chữa bệnh dạ dày			
4	Vỏ rụt - <i>Hymenodictyon orixense</i> (Roxb.) Mabb	1. Mẫy tổng mu 2. Toong mu	1,2. Dạ dày
5	Xoan nhừ - <i>Choerospondias axillaris</i> (Roxb.) Burtt. & Hill	2,3. Mác nhừ	2. Dạ dày, bóng 3. Dạ dày

Chú thích: Tên dân tộc: 1. Nùng; 2. Tày; 3. Dao

Dẫn liệu trên cho thấy, các nhóm bệnh về gan, thận, dạ dày mặc dù số lượng không được nhiều nhưng các cộng đồng đã điếm chung trong việc sử dụng một cây cỏ để chữa các bệnh về gan, thận, dạ dày. Trong đó, các loài dùng chủ yếu để chữa các bệnh về gan, dạ dày và có thể nhận thấy những loài đó chủ yếu là nhữn loài phổ biến trong tự nhiên như: Bàn tay ma - *Heliciopsis lobata* (Merr.) Sleum, Ngọc cầu - *Balanophora laxiflora* Hemsl. In f. Forbes & Hemsl, cả hai loài này được cộng đồng dân tộc Tày và Dao sử dụng để điều trị bệnh gan và dùng để sắc nước uống rất bổ cho gan, đặc biệt đối với dân tộc Dao loài cây Bàn tay ma sử dụng đun cho người phụ nữ tắm sau khi sinh rất tốt cho sức khỏe. Các loài cây gồm Vỏ rụt - *Hymenodictyon orixense* (Roxb.) Mabb và Xoan nhừ - *Choerospondias axillaris* (Roxb.) Burtt. & Hill được đều được cả 3 cộng đồng dân tộc Tày, Nùng và Dao ở xã Đức Thông sử dụng để chữa bệnh dạ dày.

Cây thuốc được cộng đồng dân tộc sử dụng để chữa nhóm bệnh thận là loài Giảo cổ lam - *Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino, đây là loài thảo dược quý và đã được cộng

đồng dân tộc Tày và Dao sử dụng trong chữa trị bệnh thận. Ngoài ra dân tộc Nùng còn sử dụng cây này để điều trị gân và thần kinh tọa.

Từ những phân tích trên cho thấy, kinh nghiệm chữa bệnh bằng cây cỏ của các cộng đồng các dân tộc ở xã Đức Thông, huyện Thạch An rất phát triển, nhiều loài đã được khoa học chứng minh, nhiều loài đã được sử dụng rộng rãi trong nhân dân để chữa bệnh. Vì vậy kinh nghiệm sử dụng cây cỏ của các dân tộc cư trú tại xã Đức Thông là đáng tin cậy và cần được nhân rộng trong cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

- Kết quả của nghiên cứu đã xác định được có 112 loài thực vật được cộng đồng dân tộc Tày, Nùng và Dao ở xã Đức Thông - huyện Thạch An sử dụng trong chữa trị bệnh cho người dân. 112 loài cây này thuộc 105 chi, 72 họ trong các ngành Ngọc lan, Dương xỉ và Dây gắm.

- Đã xác định được có 9 bộ phận khác nhau được sử dụng theo kinh nghiệm của các cộng đồng dân tộc Tày, Nùng, Dao tại xã Đức Thông, trong đó bộ phận cả cây, lá, rễ, của và vỏ là 5 bộ phận có tần số được sử dụng nhiều nhất trong chữa trị bệnh cho người dân nơi đây.

- Đã thống kê được 14 nhóm bệnh khác nhau được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong cộng đồng dân tộc Tày, Nùng và Dao tại khu vực nghiên cứu. Trong đó số lượng cây thuốc được sử dụng để chữa trị tập trung phần lớn vào các nhóm bệnh là: bệnh về tiêu hóa, chữa lành vết thương, bệnh về xương khớp, thuốc bổ, bệnh về gan, bệnh về thận, bệnh ngoài da, bệnh thời tiết.

- Đã xác định được có 8 loài cây cùng được cả 3 dân tộc Tày, Nùng và Dao tại khu vực nghiên cứu sử dụng trong phòng và chữa bệnh; xác định được 5 loài cây cỏ được dân tộc Tày, Nùng, Dao cùng sử dụng chữa trị nhóm bệnh về xương khớp; tương tự xác định được 2 loài

với nhóm bệnh về gan, 1 loài với nhóm bệnh về thận và 2 loài với nhóm bệnh dạ dày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên) (2003, 2005), *Danh lục các loài Thực vật Việt Nam*, tập 2, tập 3. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Hà Nội, tập 1 - 2.
3. Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Hà Nội.
5. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Viện Dược liệu (1993), *Tài Nguyên cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

INDIGENOUS KNOWLEDGE USING MEDICINAL PLANTS OF ETHNIC MINORITY COMMUNITIES IN DUC THONG COMMUNE, THACH AN DISTRICT, CAO BANG PROVINCE

Dam Van Vinh¹, Nguyen Thi Thu Hien¹, Trinh Dinh Kha², Nguyen Hai Hoa³, Dang Kim Tuyen¹

¹Thai Nguyen University of Forestry and Agriculture

²Thai Nguyen University of Sciences

³Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

This study was conducted to assess the experience of medicinal plant resources of ethnic minority communities in Duc Thong commune, Thach An district, Cao Bang province. The methods used for collecting data were method of specimen collection, interview method, identification of the species name, method of medicinal plant resources diversity assessment, method of endangered medicinal plants level assessment. The results of research have identified initially 112 species of medicinal plants of 105 genera and 72 families which the ethnic minority communities have used for diseases prevention and treatment. The results show that there are 14 groups of disease treated which could be cured by the experience of using medicinal plants of ethnic minority communities in Duc Thong commune, in which the disease groups account for the highest rate: digestive diseases, wound healing, osteoarthritis disease, supplement, liver disease, kidney disease, skin diseases, weather sickness. 8 medicinal plant species have been identified and used by the 3 ethnic groups of Tay, Nung and Dao in Duc Thong commune to treat and treat diseases, including: *Paris chinensis* Franch, *Sargentodoxa cuneata* (Oliv.) Rehd & Wils, *Stephania rotunda* Lour., *Passiflora foetida* L., *Cibotium barometz* (L.) J. Sm., *Hornstedtia sanhan* M. Newman, *Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino, *Disporopsis longifolia* Craib.

Keywords: Duc Thong commune, indigenous knowledge, medicinal plants, Thach An district.

Ngày nhận bài : 09/02/2020

Ngày phản biện : 10/3/2020

Ngày quyết định đăng : 17/3/2020